

UBND XÃ/PHƯỜNG

Rà soát, xác định xã theo trình độ phát triển

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã/phường ...)

ST T	Tên xã, phường, đặc khu	Tiêu chí												Số tiêu chỉ đáp ứng theo phân loại xã	Phân loại		
		1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11		12	Tỷ lệ thôn đặc biệt khó khăn của xã (%)	Xếp loại xã khu vực I, II, III
						5,1	5,2										
Tổng cộng																	
1	Thôn/ấp/khu phố A																
2	Thôn/ấp/khu phố B																
3	Thôn/ấp/khu phố C																
4	Thôn/ấp/khu phố D																

Ghi chú: Tiêu chí tương ứng

- 1

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đ/năm)
- 2

Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)
- 3

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất, thương xuyên, an toàn từ các nguồn (%)
- 4

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (%)
- 5

5.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)
5.2. Tỷ lệ đường xuống cấp nghiêm trọng (%)
- 6

Y tế xã chưa đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn đến năm 2030
- 7

Tỷ lệ số trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức độ 1 (%)
- 8

Chưa có hoặc có nhà ở nội trú cho học sinh nhưng chưa đáp ứng đủ chỗ ở của học sinh (%)
- 9

Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (%)
- 10

Chưa có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã chưa đạt chuẩn
- 11

Tỷ lệ thôn có dịch vụ truy nhập internet di động hoặc internet băng rộng cố định dưới 95%.
- 12

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (%)